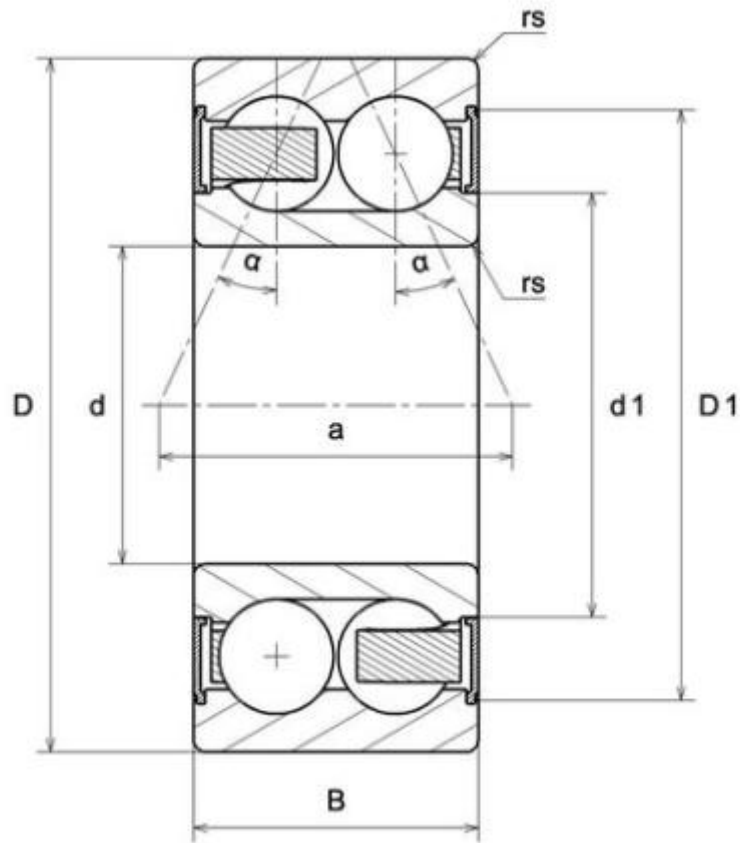


## Bạc đạn NTN 5209ZZG15



### TẦN SỐ VÒNG BI

|                                                       |          |
|-------------------------------------------------------|----------|
| BPFO - Tần số vòng ngoài đặc trưng (60 vòng/phút)     | 3,716 Hz |
| BPFI - Tần số vòng trong đặc trưng (60 vòng/phút)     | 5,284 Hz |
| FTF - Tần số lồng đặc trưng (60 vòng/phút)            | 0,413 Hz |
| BSF - Tần số đặc trưng của phần tử lăn (60 vòng/phút) | 5,042 Hz |

### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

|                             |       |
|-----------------------------|-------|
| Thương hiệu / Hãng sản xuất | NTN   |
| d - Đường kính lỗ trục      | 45 mm |
| D - Đường kính ngoài        | 85 mm |

|                                        |         |
|----------------------------------------|---------|
| B - Chiều rộng                         | 30,2 mm |
| d1 - Đường kính ngoài vòng trong       | 57,2 mm |
| D1 - Đường kính gờ/rãnh của vòng ngoài | 75,4 mm |
| a - Điểm ứng dụng tải trọng            | 43,2 mm |
| $\alpha$ - Góc tiếp xúc                | 25 °    |
| rs - Bán kính góc lượn tối thiểu       | 1,1 mm  |
| Khe hở vòng bi                         | CN      |
| Lớp chính xác                          | P0      |
| Trọng lượng                            | 0,62 kg |

#### HIỆU SUẤT SẢN PHẨM

|                                      |             |
|--------------------------------------|-------------|
| C - Tải trọng động cơ bản danh định  | 45,7 kN     |
| C0 - Tải trọng tĩnh cơ bản danh định | 37,2 kN     |
| Cu - Giới hạn tải trọng mỗi          | 2,27 kN     |
| f0 - Hệ số                           | 14.6        |
| N ref - Tốc độ nhiệt tham chiếu      | 6500 tr/min |
| N lim - Tốc độ giới hạn cơ học       | 6000 tr/min |
| Tmin - Nhiệt độ hoạt động tối thiểu  | -20 °C      |
| Tmax - Nhiệt độ hoạt động tối đa     | 120 °C      |

#### GIỚI HẠN

|                                             |         |
|---------------------------------------------|---------|
| da min - Đường kính vai tối thiểu IR        | 51,5 mm |
| da max - Đường kính vai tối đa IR           | 57,2 mm |
| Da max - Đường kính vai tối đa OR           | 78,5 mm |
| ra max - Bán kính góc lượn tối đa trục & vỏ | 1 mm    |

**NTN**®



**VOBICO.VN**  
NTN Authorized Distributor